

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

- Câu 1:** 他们谈_____谈_____, 不知不觉的, 天已经黑了。
A. ……的……的 B. ……着……着 C. ……了……了 D. ……过……过
- Câu 2:** 你看这些苹果_____都那么红, 那么大。
A. 一个 B. 一一 C. 一个一 D. 个个
- Câu 3:** 这真是一本_____看_____不想放下的好书。
A. 一……就…… B. 或……或……
C. 哪儿……哪儿…… D. 又……又……
- Câu 4:** 来越南以后, 我从没去_____胡志明市, 也不知道槟城市场是什么样子。
A. 过 B. 着 C. 的 D. 了
- Câu 5:** 有人认为_____经常锻炼身体_____不容易生病, 这种意见是完全对的。
A. 不仅……还…… B. 只要……就……
C. 不但……而且…… D. 就是……也……
- Câu 6:** 明天上午是新学年的开学典礼, 你最好提前_____来。
A. 一半小时 B. 半个小时 C. 小时半个 D. 半一小时
- Câu 7:** 那个演员演得_____, 所有的人都被她迷住了。
A. 非常出色 B. 很很出色 C. 出色出色 D. 十分十分出色
- Câu 8:** 作为一位好老师不仅教给孩子知识, _____对孩子一辈子都会产生深刻的影响。
A. 或者 B. 而且 C. 即使 D. 只要
- Câu 9:** 小王看见李老师正在跟学生_____复习迎考的事情。
A. 谈了谈 B. 谈 C. 谈谈 D. 谈了
- Câu 10:** 经过努力, 他_____一个爱学习的好学生。
A. 作为 B. 变成了 C. 变了 D. 改变
- Câu 11:** 上个星期, 我们班的同学_____革命博物馆参观了。
A. 到过 B. 到了 C. 到着 D. 到
- Câu 12:** 这里气候凉爽, 风景优美, _____夏天游人很多。
A. 从而 B. 结果 C. 所以 D. 从此
- Câu 13:** 不仅是在技术方面, 我们要_____你公司学习的还有很多。
A. 朝 B. 对 C. 往 D. 向
- Câu 14:** 他这种性格并不是天生的, _____家庭和社会环境所决定的。
A. 甚至 B. 而是 C. 至于 D. 还是
- Câu 15:** 我姥姥非常喜欢越南菜, _____是牛肉粉。
A. 更 B. 很 C. 特别 D. 并且
- Câu 16:** 我们是这么多年的朋友, 你要是有困难我_____不帮忙呢?
A. 什么 B. 怎么样 C. 怎么能 D. 怎么那么

- Câu 17:** 在老师和同学的劝说_____, 他终于改变了原来的想法。
A. 里 B. 中 C. 上 D. 下
- Câu 18:** 到沙巴游览过的人, _____赞叹它的美。
A. 无不 B. 非不 C. 无非 D. 别不
- Câu 19:** _____想真心交朋友, _____必须要真心对待朋友。
A. 虽然……但是…… B. 要……就……
C. 因此……所以…… D. 不论……都……
- Câu 20:** 我们要不断改进生产技术, _____就不能提高产品质量。
A. 所以 B. 要不然 C. 那样 D. 因此
- Câu 21:** 现在人们_____环境保护问题越来越重视了。
A. 为 B. 在于 C. 对 D. 关于
- Câu 22:** 听说那孩子由于贫困而失了学, _____。
A. 同情心我不由得产生了对他 B. 对他不由得我产生了同情心
C. 我不由得产生了对他 D. 我不由得对他产生了同情心
- Câu 23:** 她非常聪明, 老师上课讲的东西, 她_____都掌握了。
A. 全体 B. 完整 C. 全部 D. 所有
- Câu 24:** 爸妈辛辛苦苦挣了钱, _____过生活, 几乎_____给我当了学费。
A. 除非……才…… B. 由于……因此……
C. 哪怕……也…… D. 除了……都……
- Câu 25:** 这么重要的联欢会, 你_____我怎么能不来?
A. 把 B. 给 C. 使 D. 叫
- Câu 26:** _____做什么事情, 不认真不负责, _____不会取得好的效果。
A. 不是……就是…… B. 既然……就……
C. 即使……也…… D. 不管……就……
- Câu 27:** 这本小说写得太好了, 我读了好多_____。
A. 次 B. 本 C. 遍 D. 趟
- Câu 28:** 这所学校在培养音乐、美术、体育等方面有着_____的优势。
A. 明显 B. 明白 C. 明亮 D. 明明
- Câu 29:** 老王从来没到过桂林, 怎么会去过漓江_____?
A. 吧 B. 吗 C. 了 D. 呢
- Câu 30:** _____增添了快乐的气氛。
A. 老师的到来为我的生日晚会 B. 为我的生日晚会老师到来的
C. 老师到来的生日晚会为我 D. 为我的生日晚会的到来老师
- Câu 31:** _____孩子已经认错了, 你就别再批评他了。
A. 即使 B. 只有 C. 只要 D. 既然
- Câu 32:** 国庆节那天, 巴亭广场十分拥挤, 人数至少在一万_____。
A. 以上 B. 以外 C. 以来 D. 以内

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 33:** Phiên âm đúng của từ 活跃 là: _____uóyuè.
A. g B. d C. h D. k
- Câu 34:** Phiên âm đúng của từ 促进 là: _____ùjìn.
A. c B. sh C. s D. ch
- Câu 35:** Phiên âm đúng của từ 积累 là: jīl_____.
A. ěi B. èi C. ei D. éi

Câu 36: Phiên âm đúng của từ 比例 là: bǐ _____.
A. iè B. iàn C. ì D. ià

Câu 37: Phiên âm đúng của từ 接受 là: _____ iēshòu.
A. x B. q C. p D. j

Câu 38: Phiên âm đúng của từ 害羞 là: hàix _____.
A. iū B. uī C. ōu D. iēu

Câu 39: Phiên âm đúng của từ 繁荣 là: _____.
A. fánrǒng B. fǎnrǒng C. fǎnróng D. fànróng

Câu 40: Phiên âm đúng của từ 道理 là: _____.
A. dāoli B. dǎoli C. dàoili D. dàoli

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 41: 你到我们家也不是外人, 千万别客气。
A. 没有亲友关系的人 B. 外地人 C. 邻居 D. 外国人

Câu 42: 食堂已经关了门, 我只好吃方便面。
A. 也可以 B. 正好 C. 最好 D. 不得不

Câu 43: 由于阮老师的帮助, 使我们少走了不少弯路。
A. 不用走路 B. 减少了错误 C. 没有困难 D. 节省经费

Câu 44: 李婷头一次来中国, 对什么都很好奇。
A. 那一次 B. 第一次 C. 这一次 D. 上一次

Câu 45: 小云呀, 没事儿就爱写点小说、诗歌什么的。
A. 表示疑问 B. 表示不确定 C. 表示例举 D. 表示任指

Câu 46: 现在越南银行正式加入了国际信息网络。
A. 加强 B. 接受 C. 增加 D. 参加

Câu 47: 请把电话号码留下吧, 有事儿我 好 通知你。
A. 好好儿 B. 便于 C. 挺 D. 很

Câu 48: 这次晚会你管买饮料, 他管布置会场。
A. 负责 B. 过问 C. 管理 D. 追究

Câu 49: 我们每年暑假都去中国进修一个月的汉语。
A. 修为 B. 修理 C. 学习 D. 进步

Câu 50: 我把这两天发生的情况一五一十地告诉了他。
A. 很紧张 B. 很简单 C. 很快 D. 很详细

Câu 51: 他二话没说就答应帮我解决工作中的难题。
A. 非常困难地 B. 非常犹豫地 C. 非常为难地 D. 非常痛快地

Câu 52: 她们两个人的汉语水平不相上下。
A. 选择水平高的 B. 选择水平低的 C. 分不出高低来 D. 分得出高低来

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ 53 đến 62.

书法是中国的一门古老的艺术。生活实践证明, 书法(53)_____人的健康长寿有一定的作用。中国历代著名书法家的长寿就是一个很好的例子。俗话说“人活七十古来稀”, 而历代的书法家(54)_____有很多人活到七八十, 甚至八九十高龄。可见, 练书法的确(55)_____人的健康。书法练习又是一门艺术追求。练习书法使思想高度集中, 甚至还(56)_____达到忘我的境界, 此时, 写书法的人, 其心情和思想都融入文字的境界美中了, 对眼前或身边发生的不愉快的事情视而不

见，听而不闻，精神(57)_____既轻松又安适的状态，(58)_____烦恼和不愉快的都消失了，既得到了美的享受，又使人身心愉悦，(59)_____有益于身心健康。

从“练功”的角度也可以理解为什么书法有益于健康。由于写字时要求坐姿端正，目不斜视，很像气功里所讲的“坐功”。一个人(60)_____能每天坚持坐上一阵子，便可以像练气功那样，达到以意导气，使人精神振奋，呼吸匀称，肌体和精神(61)_____高度的放松。如此坚持(62)_____，必定会健康长寿。

- Câu 53:** A. 就 B. 关于 C. 对于 D. 给
- Câu 54:** A. 更 B. 就 C. 还 D. 却
- Câu 55:** A. 合作 B. 有助于 C. 影响 D. 协助
- Câu 56:** A. 愿意 B. 可能 C. 可以 D. 应该
- Câu 57:** A. 处于 B. 位于 C. 在于 D. 善于
- Câu 58:** A. 种种 B. 个个 C. 样样 D. 类类
- Câu 59:** A. 原因 B. 因为 C. 因而 D. 然而
- Câu 60:** A. 尽管 B. 只有 C. 如果 D. 既然
- Câu 61:** A. 见到 B. 到达 C. 得到 D. 遇到
- Câu 62:** A. 过去 B. 下去 C. 下来 D. 过来

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 63 đến câu 67.

有一天早上下着特别大的雾，出门看不见路也看不见人。汽车没办法开了，人们只好走路去上班，但是走着走着就会发现自己走错了路，越走离要去的地方越远。有一位教授必须按时赶到学校上课。尽管他自己觉得是向着学校的方向在走，可是平时只要走十几分钟的路，现在走了四十多分钟还没到，他知道自己走错了方向，急得出了一身汗。这时他忽然撞在一个人身上。他向这个人道了歉并问他去大学怎么走。那个人说：“我带你去。”他拉着教授的手走过一条街，一会儿就到了大学。教授奇怪地问他：“这么大的雾，你怎么看得见路呢？”这个人说：“有雾没雾对我都一样。”教授忽然明白了，他是个盲人。

Câu 63: 这位教授今天走错了路是因为：

- A. 急得出了一身汗 B. 没坐公共汽车
C. 要赶到学校去上课 D. 雾特别大

Câu 64: 平时从教授家走到学校：

- A. 不到二十分钟 B. 要不了十分钟 C. 需要半个多小时 D. 大概四十分钟

Câu 65: 教授撞在一个人的身上是因为：

- A. 路很滑 B. 他看不见路 C. 他不戴眼镜 D. 那个人看不见路

Câu 66: “盲人”的意思是：

- A. 两只眼睛看不见东西的人 B. 两只耳朵听不见声音的人
C. 两只手不能拿东西的人 D. 对天气没有感觉的人

Câu 67: 从文章中可以知道这个盲人：

- A. 对道路很熟悉 B. 常常撞在别人身上
C. 住在学校附近 D. 喜欢下雾的天气

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 68: 王兰向我们介绍她对鲁迅小说的一些心得。

- A. 数词 B. 形容词 C. 量词 D. 动词

Câu 69: 你们应该遵守学生守则，决不迟到早退。

- A. 介词 B. 形容词 C. 副词 D. 动词

Câu 70: 经过多年的艰苦努力, 我们越南的卫星终于上天了。

- A. 名词 B. 形容词 C. 动词 D. 介词

Câu 71: 他们通过实习, 丰富自己的工作经验。

- A. 名词 B. 副词 C. 形容词 D. 动词

Câu 72: 两国总理就教育发展有关问题交换了意见。

- A. 动词 B. 副词 C. 介词 D. 连词

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 73: A母亲啊母亲, B您给了我C生命, 又给了我D幸福和温暖。 (是)

Câu 74: 明天的计划是游览A北海再去B参观C天坛D。 (了)

Câu 75: 红色在中国的民间A是B吉祥如意C幸福的D象征。 (一直)

Câu 76: “水上木偶戏”是越南具有A民族特色的B文化C艺术D。 (一种)

Câu 77: A那是一次B终生难忘的C旅行, 至今D还记忆犹新。 (令我)

Câu 78: 我A是昨天B从外文C书店买D这本画报。 (的)

Câu 79: 离开家久A了, 我心里B想C着家中的D亲人。 (老)

Câu 80: 今天晚上A正好没B事儿, 咱们C可以聊D一会儿。 (什么)

----- HẾT -----